TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12 – 3 – 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 12/3/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 241/2019/TLST- HNGĐ ngày 02/12/2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Anh Vũ Thanh S, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định;

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị T (chị T xin vắng mặt), có mặt anh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Thanh S tự nguyện kết hôn với nhau ngày 05/3/2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do giữa vợ chồng có nhiều bất đồng, hay xảy ra va chạm, cãi vã. Từ tháng 5/2019 chị và anh S sống ly thân nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có hai con chung là Vũ Mai A, sinh ngày 30/01/2014 và Vũ Nhật L, sinh ngày 09/5/2017. Chị có nguyện vọng xin được nuôi

dưỡng cháu Nhật L. Để anh S nuôi dưỡng cháu Mai A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại các bản tự khai đề ngày 10/12/2019; 25/02/2020, bị đơn anh Vũ Thanh S trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với lời khai của chị T. Anh cũng xác định trong quá trình chung sống giữa anh và chị T có xảy ra mâu thuẫn do chị T có ý định đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nhưng không được sự đồng ý của anh dẫn đến hai vợ chồng bất đồng quan điểm. Chị T đã tự ý bỏ đi học tiếng và đơn phương viết đơn ly hôn. Trong quá trình giải quyết anh có nguyện vọng kéo dài thời gian giải quyết vụ án để anh tìm biện pháp thuyết phục chị T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian này vợ chồng vẫn sống ly thân, chị T vẫn kiên quyết muốn ly hôn anh. Anh chưa tìm được biện pháp nào để níu kéo hạnh phúc. Về tình cảm anh vẫn còn tình cảm với chị T, vẫn muốn vợ chồng về đoàn tụ vì hai con còn quá nhỏ, không thể thiếu đi sự quan tâm, chăm sóc của bố và mẹ nên anh không đồng ý ly hôn với chị T. Trường hợp chị T cố tình xin ly hôn, anh đề nghị Toà án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là Vũ Mai A, sinh ngày 30/01/2014 và Vũ Nhật L, sinh ngày 09/5/2017. Anh đồng ý nuôi dưỡng cháu Mai A và để chị T nuôi dưỡng cháu Nhật L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh chị nhưng giữa chị T và anh S không thống nhất được vấn đề về tình cảm nên Toà án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Anh S trình bày anh đã cố gắng hết sức để thuyết phục chị T đoàn tụ nhưng chị T xác định không còn tình cảm với anh nên kiên quyết ly hôn. Do vậy, anh xác định hạnh phúc không thể hàn gắn được nữa nên nhất trí ly hôn với chị T. Các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân, anh giữ nguyên quan điểm như Bản tự khai, Biên bản hòa giải tại tòa án.

Chị T xin giải quyết vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin vắng mặt của chị T. Vụ án được xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Toà án: Đây là vụ án tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" do nguyên đơn chị Mai Thị T thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Vũ Thanh S có nơi cư trú tại Thôn B, xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn theo quy định tại các Điều 228của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Vũ Thanh S tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định nên là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa anh chị không tìm được tiếng nói chung trong công việc làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc, luôn căng thẳng và sống ly thân nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với anh S. Anh S cũng xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng do chị T luôn có ý định đi xuất khẩu lao động để kiếm tiền nhưng anh không đồng ý, vợ chồng đang sống ly thân. Mặc dù anh S không muốn ly hôn, xác định vẫn còn tình cảm với chị T nhưng thực tế anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Anh S cũng thừa nhận không có biện pháp gì để níu kéo và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hòa giải nhưng không gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, chị T, anh S đã sống ly thân một thời gian dài, đời sống chung không có, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị T, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T, anh S xác định anh, chị có hai con chung là Vũ Mai A, sinh ngày 30/01/2014 và Vũ Nhật L, sinh ngày 09/5/2017. Anh, chị thống nhất giao cháu Nhật L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Mai A cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T, anh S không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Mai Thị T và anh Vũ Thanh S.

2. Giao con chung là Vũ Nhật L, sinh ngày 09/5/2017 cho chị T nuôi dưỡng, giao con chung là Vũ Mai A, sinh ngày 30/01/2014 cho anh S nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị T phải nộp 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001281, ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Thuý được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ. Anh S được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã B: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thị Ngọc Bích